

Bản án số: **183/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 30/9/2022.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị HH.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Thiên H - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị B - Cán bộ hưu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BG.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên tòa: Ông DVT- Kiểm sát viên trung cấp.**

Trong ngày 30/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2022/TLST- HNGĐ về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 117 /2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh CVT, sinh ngày 12/03/1992. Vắng mặt

HKTT: thôn C, xã LP, huyện HH, tỉnh BG.

Anh T hiện đang cư trú và làm việc tại NB, hyogoken katoshi shinmachi jitsuji minami 248-102.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị CTN. Địa chỉ: thôn C, xã LP, huyện HH, tỉnh BG.

(vắng mặt)

**Bị đơn:** Chị DTT, sinh ngày 13/09/1994. ( Vắng mặt)

HKTT: thôn C, xã LP, huyện HH, tỉnh BG.

Chị T hiện đang ở nước ngoài.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: - Ông DVH, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn HD, xã DL, huyện HH, tỉnh BG

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông DVH, sinh năm 1971 ( có mặt)

Địa chỉ: Thôn HD, xã DL, huyện HH, tỉnh BG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị T trên cơ sở có sự tìm hiểu, tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 7/6/2016 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka NB. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị chưa có tìm hiểu kỹ về nhau nên không có sự thông cảm, hòa hợp trong tính cách, quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân với nhau mỗi người một nơi. Anh đi lao động tại nước ngoài NB và chị T hiện nay cũng ở NB nhưng địa chỉ cụ thể của chị T ở đâu thì anh không biết. Hiện anh đang về Việt Nam nghỉ phép để giải quyết việc gia đình, đến hết ngày 15/8/2022 tiếp tục sang NB sinh sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị DTT.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu CMT, sinh ngày 18/6/2017, đang ở bên nhà bà ngoại. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T và bố mẹ chị T nuôi dưỡng. Cháu ở cùng ông bà ngoại ổn định từ nhỏ. Do chị T và anh cũng đang lao động tại NB nên anh đồng ý để bố chị T là ông DVH đứng ra chăm sóc con chung của anh chị khi anh chị không có nhà. Đề nghị Tòa án triệu tập ông H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đứng ra chăm sóc con chung của anh chị. Về cấp dưỡng anh đồng ý cấp dưỡng cho con chung là 5.000.000đồng/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh chị không có tài sản chung gì, cũng không nợ nần ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**\*Chị CTN là người đại diện theo ủy quyền của anh T được quyết định về con chung, cấp dưỡng, tài sản trình bày:**

Chị là người đại diện theo ủy quyền của anh T về việc giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án và được quyết định về con chung, cấp dưỡng, tài sản thì chị có được anh T trao đổi và trình bày như sau:

Anh T đã được biết về nguyện vọng của chị T và gia đình chị T về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Về việc nuôi con chung anh T đồng ý giao con chung là cháu CMT, sinh ngày 18/06/2017 cho chị T và bố chị T đứng ra chăm sóc con chung, khi chị T và anh T không có nhà.

Về cấp dưỡng: Anh T đồng ý cấp dưỡng 10.000.000đồng/ tháng cho con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T có trao đổi anh chị không có tài sản chung, công nợ chung.

Do bận công việc nên chị xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, làm việc, xét xử của tòa án.

**\*Bị đơn chị DTT trình bày:**

Chị và anh CVT được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, nhưng chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 07/6/2016 tại NB. Anh T trình bày vợ chồng mâu thuẫn là không đúng, trước đây chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Hiện nay về nghỉ phép chị vẫn đang ở nhà bố mẹ để chăm sóc con chung. Chị có nguyện vọng lên nhà bố mẹ chồng nhưng anh T không đồng ý. Chị và bố mẹ chồng không có mâu thuẫn gì. Chị có được biết về

việc anh T xin ly hôn chị vì chị biết anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh T không còn quan tâm tới chị, không còn liên quan đến nhau về kinh tế nhưng vẫn gọi điện và đón con về chơi. Khi anh T về phép cùng chị, anh T có đón con lên nhà ông bà nội, nhưng không đón chị lên cùng, không cho chị gặp gia đình nhà chồng. Nay chị xác định vẫn còn tình cảm với anh T và mong gia đình đoàn tụ nên chị không đồng ý ly hôn với anh T mặc dù anh T không còn quan tâm chị.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu CMT, sinh ngày 18/6/2017, hiện nay đang ở với gia đình chị. Chị không đồng ý ly hôn thì con chung chị cũng không đề nghị Tòa án giải quyết. T hợp anh T nhất quyết ly hôn chị có quan điểm là đề nghị được nuôi con chung. Hiện nay chị đang về Việt Nam nghỉ phép nên chị đồng ý để bố là ông DVH, sinh năm 1971 là bố đẻ đứng ra chăm sóc con chung khi chị không có nhà.

Chị không đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/ tháng, chị đề nghị anh T cấp dưỡng 10.000.000đ/ tháng. Đồng ý giao con chung cho bố chị là ông H chăm sóc khi chị không có nhà

Về tài sản chung: công nợ chung: Chị có trả nợ cho anh T trước khi anh chị kết hôn và các khoản tiền khác nhưng hiện nay chị chưa có tài liệu nào để giao nộp cho Tòa án. Chị đồng ý giải quyết sau. Hiện nay chị vẫn đang học ở NB địa chỉ cụ thể thì chị không nhớ. Chị đề nghị các văn bản tố tụng gửi về cho bố chị, bố chị sẽ thông báo cho chị được biết.

Ngày 29/8/2022 chị quay trở lại Nhật để học tập, t hợp Tòa án mở phiên hòa giải, phiên tòa xét xử chị xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

**\*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H trình bày:**

Ông đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án. Về yêu cầu khởi kiện của anh T đối với con gái ông thì ông có quan điểm như sau:

Chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã LP, huyện HH nhưng chưa tổ chức lễ cưới, anh chị có 01 con chung.

Về mâu thuẫn giữa anh T và chị T thì các con không có mâu thuẫn gì, các bác nhà anh T vẫn qua lại và gọi cháu T về ăn cơm cùng gia đình. Bố mẹ anh T thay đổi thái độ với chị T, không còn quan tâm như trước, không hỏi han khi chị T về nước. Hiện nay hai gia đình ít qua lại với nhau. Sự việc xảy ra thì hai gia đình vẫn chưa nói chuyện gì. Nay anh T xin ly hôn thì ông tôn trọng quyết định của anh chị.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu CMT, sinh ngày 18/06/2017. Hiện nay cháu Tuấn đang sinh sống với gia đình ông, do gia đình ông chăm sóc từ nhỏ. Gia đình nhà anh T không hỏi han, quan tâm gì tới cháu. Hiện nay chị T cũng đang đi lao động tại NB, địa chỉ cụ thể thì ông không nhớ.

Sau khi ly hôn anh T đồng ý để ông chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi anh T, chị T không có nhà, ông đồng ý vì cháu Tuấn đang ở cùng gia đình ông. Anh CVT cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng như yêu cầu của chị T đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Trước khi anh T đi nước ngoài thì con ông có bỏ tiền ra để lo cho anh T sang Nhật và quá trình chung sống thì con ông có gửi tiền về cho gia đình anh T để làm nhà. Quá trình giải quyết vụ án ông không có tài liệu gì để cung cấp cho Tòa án liên quan tới yêu cầu của chị T.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị T vắng mặt giữ nguyên quan điểm gì trình bày:

Ông H có mặt trình bày: Về việc anh T và chị T ly hôn ông không có ý kiến gì, ông đồng ý đứng ra chăm sóc con chung của anh T và chị T khi anh chị không có nhà, cháu Tuấn đang ở ổn định với gia đình ông. Về cấp dưỡng ông đề nghị anh T cấp dưỡng 10 triệu đồng/ tháng. Về tài sản chung, công nợ chung: Tại thời điểm giải quyết chị T chưa thu thập được tài liệu chứng cứ, ông đồng ý sau khi thu thập đủ tài liệu chứng cứ chị T sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Cho anh CVT được ly hôn chị DTT. Về con chung: Giao con chung là cháu CMT, sinh ngày 18/06/2017 cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục, do chị T đang ở nước ngoài nên giao cháu Tuấn cho ông H nuôi dưỡng chăm sóc đến khi chị T về nước. Về cấp dưỡng: Buộc anh T phải cấp dưỡng cho con chung là 10.000.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng từ 01/10/2022. Tài sản chung, công nợ: không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh CVT là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với chị DTT. Bị đơn chị DTT là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn HD, xã DL, huyện HH, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Theo chị T trình bày chị về nước nghỉ phép và xuất cảnh ngày 29/8/2022. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BG, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị DTT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không

có lý do. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228, Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T, chị T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa anh CVT và chị DTT là hợp pháp, chị T và anh T được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 7/6/2016 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka NB. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh T và chị T mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo chị T trình bày chị và anh T vẫn còn tình cảm là không có căn cứ vì hiện nay chị và anh T đã không còn phụ thuộc về kinh tế, mỗi người ở một nơi không còn quan tâm nhau. Anh T về phép cũng không đón chị T về nhà chồng ở, bên cạnh đó hiện nay chị T cho rằng anh T đang có quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh T và chị T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh CVT được ly hôn chị DTT.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Anh T và chị T có 01 con chung là cháu CMT, sinh ngày 18/06/2017. Hiện nay con chung đang ở cùng với gia đình chị T. Sau khi ly hôn anh T đồng ý để chị T nuôi con chung và do ông H là bố đẻ của chị T đứng ra chăm sóc con chung khi anh chị không có nhà.

[4.2]. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị T không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Anh T hiện nay cũng đang ở nước ngoài. Con chung đang ở ổn định với gia đình chị T. Ông H là ông ngoại của cháu Tuấn cũng đồng ý nhận trách nhiệm để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh T chị T trong thời gian anh chị không có ở nhà. Việc ông H nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cũng phù hợp theo quy định của Điều 104- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận. Anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu CMT, sinh ngày 18/06/2017 và do ông DVH chăm sóc nuôi dưỡng khi chị T anh T không có nhà.

Tại phiên tòa bà Hà Thị Cải là mẹ đẻ của chị T cũng đồng ý chăm sóc cháu Tuấn nhưng đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng đề nghị giao cháu Tuấn cho ông H chăm sóc khi anh T chị T vắng mặt tại Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con chung buộc anh T phải cấp dưỡng cho con chung là 10.000.000đ/ tháng từ ngày 01/10/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Do anh T không yêu cầu và chị T chưa cung cấp đầy đủ tài liệu căn cứ nên HĐXX không đặt ra xem xét. T hợp chị có yêu cầu sẽ được đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh T ph chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh CVT được ly hôn chị DTT.

2. Về con chung:

Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu CMT, sinh ngày 18/06/2017 và do ông DVH chăm sóc nuôi dưỡng khi chị T, anh T không có nhà.

Về cấp dưỡng nuôi con chung buộc anh T ph cấp dưỡng cho con chung là 10.000.000đ/ tháng kể từ ngày 01/10/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh CVT ph chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000547 ngày 12/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh BG và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Trần Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị DTT hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được

tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ông DVH cư trú tại Việt Nam có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người ph thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị H H**